

Số: 740 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Xây dựng hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh trên
đường Bắc Nam 1B và Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại xã Tùng Lâm
đến nút giao với đường Bắc Nam 1B).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 311/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh trên đường Bắc Nam 1B và Bắc Nam 2 (đoạn từ QL1A tại xã Tùng Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1227/SXD-HĐXD ngày 01/3/2021 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh trên đường Bắc Nam 1B và Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại xã Tùng Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B), kèm theo hồ sơ dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh trên đường Bắc Nam 1B và Bắc Nam 2

(đoạn từ Quốc lộ 1A tại xã Tùng Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B) với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh trên đường Bắc Nam 1B và Bắc Nam 2 (đoạn từ Quốc lộ 1A tại xã Tùng Lâm đến nút giao với đường Bắc Nam 1B).

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Tùng Lâm và phường Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn.

5. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hạ tầng thoát nước, chiếu sáng và trồng cây xanh theo giai đoạn hoàn chỉnh đã phê duyệt, góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông trong khu vực theo quy hoạch, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và Khu kinh tế Nghi Sơn.

6. Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng 276 - Thanh Hóa.

7. Nhà thầu lập dự án đầu tư: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng VINASEAN.

8. Quy mô và nội dung đầu tư:

a. Vĩa hè: Mỗi bên 6m (theo giai đoạn hoàn chỉnh đường Bắc Nam 2) và từ 3m-6m trên đường Bắc Nam 1B. Kết cấu như sau:

- Lát bằng gạch block tự chèn dày 5.5cm; lớp cát đệm gia cố 8% xi măng, trên lớp bê tông mác 150 dày 10cm. Khóa vĩa hè bằng bê tông M200, trên lớp bê tông M150 dày 10cm.

- Mép ngoài hè ở đoạn nền đắp dùng khóa vai hè chống chuyển vị bằng bê tông M200 đổ tại chỗ kích thước (10x10)cm.

b. Bó vĩa vĩa hè:

- Bằng bê tông M200, kích thước bó vĩa (100x26x20)cm; tại các đường giao bó vĩa được chế tạo kích thước (40x26x20)cm, chiều cao từ đỉnh bó vĩa xuống mặt đan rãnh là 12cm. Đáy bó vĩa là lớp vữa đệm M75 dày 2cm trên lớp móng bê tông M150 dày 10cm.

c. Đan rãnh:

- Rãnh đan thu nước mặt trong đường đô thị thiết kế với chiều rộng 30cm, chiều sâu rãnh 5cm, bằng bê tông M200 đổ tại chỗ, kích thước (50x30x5)cm.

- Rãnh đan được thiết kế dọc theo mép bó vĩa, vĩa hè.

d. Cây xanh:

- Trên vĩa hè trồng cây Sao Đen có chiều cao tính từ mặt vĩa hè $\geq 3,0$ m; đường kính thân cây ≥ 10 cm; khoảng cách trồng 10m/1cây.

- Hồ trồng cây kích thước bao là (1,2x1,2)m; kết cấu bằng bê tông M200 đổ tại chỗ, kích thước (BxH) = (12x20)cm, trên lớp móng M100 dày 5cm.

- Trên dải phân cách giữa trồng hoa giấy, cao $\geq 1,0$ m; khoảng cách 5m/cây.

e. Thoát nước dọc tuyến:

- Bố trí hệ thống công ly tâm đúc sẵn loại D800 dọc tuyến hai bên nằm trong phần vỉa hè, tim của hệ thống công dọc cách mép đường (phía vỉa hè) là 250cm; cao độ đáy rãnh thay đổi đảm bảo thoát nước về các vị trí công. Sử dụng loại công D800(VH); đặt trên đế công bằng BTCT lắp ghép M200 kích thước (1032x400x340)mm và lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Hồ thu bằng BTCT mác 200, thu nước tại vỉa hè, tim hồ thu cách mép vỉa hè 250cm; khoảng cách trung bình giữa các hồ thu 40m/01 hồ; hồ thu có kích thước $(L \times B \times H_{td}) = (1.4 \times 1.4 \times H_{td})m$, chiều cao thay đổi từ 1.6-2.2m.

- Kết cấu hồ thu: Thân, đáy hồ thu bằng bê tông M200 dày 20cm trên lớp bê tông lót móng M100 dày 15cm; mũ mố, tấm đan bằng BTCT M200; lưới chắn rác bằng composite kích thước (960x530x4)cm; nắp hồ thu hình tròn D=600mm bằng composite dày 4,0cm; bố trí các bậc thang hồ thu bằng thép tròn D=20mm, khoảng cách 30cm/bậc.

f. Đắp đất vỉa hè

- Độ dốc mái taluy nền đắp thiết kế 1/1.5 đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$. Lớp vật liệu dày 30cm dưới đáy kết cấu áo đường đắp bằng đất với độ chặt $K \geq 0,98$ đối với chiều dày lớp kết cấu áo đường $\geq 60cm$ và lớp vật liệu dày 50cm dưới đáy kết cấu áo đường đắp bằng đất với độ chặt $K \geq 0,98$ đối với chiều dày lớp kết cấu áo đường $< 60cm$; khi $H > 6m$ phải tạo bậc thềm rộng 2m, dốc thềm 4% đổ ra phía ngoài nền đường, dốc mái taluy 1/1,5.

- Trước khi đắp nền phải đào bỏ lớp đất hữu cơ trên bề mặt và đắp thay bằng đất đắp nền đường. Đoạn đắp qua khu vực có độ dốc thiên nhiên $> 20\%$ tiến hành đánh cấp, bề rộng bậc cấp $b = 1.0m$.

- Những đoạn đắp lấn mương, ao hồ lớn, đắp qua nền đất yếu thiết kế vét bùn, thay đất với chiều sâu trung bình 1.0 m, các đoạn qua khu vực dân cư, hoặc qua khu vực ruộng trồng lúa đào hữu cơ với chiều sâu 0.5m; đắp trả bằng đất độ chặt $K > 0,95$. Sử dụng cọc tre phen nửa để ngăn nước thi công.

- Các khối lượng đào đất, vét bùn, hữu cơ một phần được tận dụng đắp bờ ngăn nước, phần dư thừa được đổ đúng nơi quy định.

h. Điện chiếu sáng vỉa hè:

- Điện chiếu sáng bố trí dọc hai bên vỉa hè, cách mép vỉa hè 100cm; khoảng cách trung bình giữa các cột 35m/cột; sử dụng cột thép tròn côn cao 10m dày 4,0mm, lắp đèn đơn cao 2m. Trên mỗi cột lắp 01 chóa đèn chiếu sáng đường phố led 150W, chiều cao đặt đèn 11,2m. Toàn bộ cột thép và đèn đều được mạ kẽm nhúng nóng, đèn được sơn màu trang trí đồng bộ với màu bộ đèn.

- Toàn tuyến xây dựng 3 trạm biến áp, công suất 50kVA/trạm để cung cấp điện cho hệ thống chiếu sáng, dạng trạm cột đặt tại tim dải phân cách giữa. Đường dây được hạ ngầm cắt ngang qua đường đến tủ trung thế RMU (nằm trên dải phân cách giữa của tuyến đường).

9. Tổng mức đầu tư: 82.362.399.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí GPMB: 14.363.000.000 đồng;
- Chi phí xây lắp: 49.385.499.876 đồng;
- Chi phí thiết bị: 2.788.614.000 đồng;
- Chi phí QLDA: 1.002.691.607 đồng;
- Chi phí TVĐTXD: 3.452.834.894 đồng;
- Chi phí khác: 657.989.349 đồng;
- Chi phí dự phòng: 10.711.769.144 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ trong cân đối và nguồn sự nghiệp kinh tế ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

11. Các bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

12. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa nhận ủy thác quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: 4 năm (2021-2024).

Điều 2. Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Ban Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H³ 8.261).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: XÂY DỰNG HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC, CHIẾU SÁNG VÀ TRỒNG CÂY XANH TRÊN ĐƯỜNG BẮC NAM 1B VÀ BẮC NAM 2 (ĐOẠN TỪ QL1A TẠI XÃ TÙNG LÂM ĐẾN NÚT GIAO VỚI ĐƯỜNG BẮC NAM 1B)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		49.385.499.876
1	Bó vỉa, vỉa hè cây xanh	Diễn giải chi tiết	21.395.554.198
2	Rãnh thoát nước dọc	nt	8.077.379.891
3	Đất đào đắp	nt	5.856.552.581
4	Cống thoát nước ngang	nt	154.980.025
5	An toàn giao thông	nt	9.158.156
6	Điện chiếu sáng công cộng	nt	13.891.875.025
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Diễn giải chi tiết	2.788.614.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	$(G_{XD} + G_{TB})^{trước VAT} \times 2,114\%$	1.002.691.607
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		3.452.834.894
1	Khảo sát xây dựng bước lập DADT	QĐ số 4849/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	389.101.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát		11.673.000
3	Giám sát công tác khảo sát		15.844.000
4	Chi phí lập BC nghiên cứu khả thi		265.874.000
5	Khảo sát xây dựng bước lập BVTC	Tạm tính	392.480.000
6	Lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BVTC	$3\% \times G_{kstkctc}$	11.774.400
7	Lập hồ sơ + thi công cắm cọc GPMB	Dự toán cắm cọc GPMB	55.439.000
8	Chi phí TK BVTC+DT	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 1,769\%$	873.629.493
9	Chi phí thẩm tra thiết kế	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,140\%$	69.139.700
10	Chi phí thẩm tra dự toán	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,134\%$	66.176.570
11	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp	$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,198\%$	97.783.290
12	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT thiết bị	$G_{TB}^{trước VAT} \times 0,302\%$	8.421.614
13	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT giám sát TCXD	$G_{GS}^{trước VAT} \times 0,816\%$	8.180.609
14	Chi phí thẩm định giá vật tư + thiết bị	Tạm tính theo dttk	110.000.000
15	Chi phí giám sát thi công XD	$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,030\%$	1.002.525.647

16	Chi phí giám sát thi công TB	$G_{TB}^{\text{trước VAT}} \times 0,803\%$	22.392.570
17	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính theo dttk	52.400.000
V	CHI PHÍ KHÁC		657.989.349
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	$G_{GS}^{\text{trước VAT}} \times 10\%$	93.174.383
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư XDCT	$TMĐT \times 0,013\%$	9.314.582
3	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu XL	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	44.895.909
4	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu TB	$G_{TB}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	2.535.104
5	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu GS	Mức tối thiểu	2.000.000
6	Chi phí bảo hiểm công trình	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,150\%$	74.078.250
7	Chi phí đầu nối điện, nước	Tạm tính	20.000.000
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$50\% \times (TMĐT - Gdp) \times 0,259\%$	92.787.566
9	Chi phí kiểm toán	$(TMĐT - Gdp) \times 0,405\%$	319.203.556
VI	CHI PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TĐC	Theo giá trị chủ đầu tư trình	14.363.000.000
VII	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		10.711.769.144
1	Chi phí dự phòng yếu tố phát sinh khối lượng	$(G_{XD} + G_{TB} + G_{TV} + G_{QLDA} + G_{GPMB} + G_K) \times 10\%$	7.165.062.973
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	$(G_{XD} + G_{TB} + G_{TV} + G_{QLDA} + G_{GPMB} + G_K) \times 4,95\%$	3.546.706.171
	TỔNG CỘNG		82.362.398.869
	LÀM TRÒN		82.362.399.000
<i>Bảng chữ: Tám hai tỷ, ba trăm sáu hai triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn.</i>			